

Bản án số: 159/2022/HS-ST
Ngày 10 - 11- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh và bà Tô Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 145/2022/TLST-HS ngày 24/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2022/QĐXX-HS ngày 27/10/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích H**, sinh ngày 01/7/1975, tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn VK, xã ĐL, huyện LNh, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Điều dưỡng viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức H (ông H được nhà nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất và Huy chương quân kỳ quyết thắng) và bà Đặng Thị Q; chồng là anh Đoàn Viết S (đã chết) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Đàm Thị L, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn 3 ĐH, xã ThP, huyện TTh, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969, nơi cư trú: Thôn 3 ĐH, xã ThP, huyện TTh, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

* Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1950, nơi cư trú: Tổ A, phường QTr, thành phố TB, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do quen biết từ trước nên khoảng giữa năm 2021, bị cáo Nguyễn

Thị Bích H đến nhà bà Nguyễn Thị Hồng Th. Tại nhà bà Th, bà Th nói với bị cáo H về việc bà Th có cháu là chị Đàm Thị L đang học khoa Y học cổ truyền tại Trường Đại học Y dược Thái Bình, chị L chuẩn bị tốt nghiệp và có nhu cầu xin việc vào bệnh viện nhà nước. Lúc này, bị cáo H nói với bà Th là bị cáo có thể xin được việc cho chị L vào Khoa Y học cổ truyền bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam. Thông qua bà Th trao đổi, khoảng tháng 6/2021, chị L liên hệ với bị cáo H hỏi về việc xin việc làm. Vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị L, do đó, mặc dù bị cáo không có điều kiện, không có khả năng xin việc nhưng bị cáo nói dối chị L là bị cáo sẽ xin được cho chị L vào làm việc tại Khoa y học cổ truyền bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam, với số tiền khoảng 100.000.000 đồng, chị L đồng ý. Từ tháng 6/2021 đến tháng 4/2022, bị cáo nói lời nói dối với chị L như: Bị cáo làm việc với Giám đốc bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam nhờ xin việc, phục vụ xin việc, cảm ơn các phòng, ban trong bệnh viện, chúc tết Giám đốc bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam, thi công chức để vào làm việc, ... nên chị L đã tin là bị cáo sẽ xin được việc cho mình, theo đó chị L đã đến chi nhánh ngân hàng Vietinbank, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để chuyển tiền đến số tài khoản “107004350766” tại Ngân hàng Vietinbank của bị cáo, cụ thể như sau:

- Ngày 15/6/2021, theo yêu cầu của bị cáo là cần hồ sơ và cần tiền để bị cáo đưa cho giám đốc bệnh viện nên chị L chuyển hồ sơ và chuyển số tiền 50.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 16/7/2021, theo yêu cầu của bị cáo là cần tiền để phục vụ xin việc, chị L đã chuyển số tiền 30.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 30/7/2021, theo yêu cầu của bị cáo, chị L chuyển số tiền 20.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 06/8/2021, theo yêu cầu của bị cáo là cần tiền để đi cảm ơn các phòng, ban, chị L chuyển số tiền 2.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 20/8/2021, theo yêu cầu của bị cáo là cần tiền để đi cảm ơn, chị L chuyển số tiền 1.000.000 đồng cho bị cáo.

- Ngày 21/10/2021, theo yêu cầu của bị cáo là cần tiền để lo thi đỗ công chức rồi vào làm việc tại Khoa y học cổ truyền bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam. Chị L chuyển số tiền 10.000.000 cho bị cáo.

- Tháng 01/2022, theo yêu cầu của bị cáo là đi chúc tết Giám đốc bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam, chị L chuyển số tiền 5.000.000 đồng cho bị cáo.

- Tháng 3/2022, tại nhà bà Th ở Tổ A, phường QTr, thành phố TB, tỉnh Thái Bình. Bị cáo H gặp bà Th, chị L và bà Nguyễn Thị M (bà M là mẹ đẻ chị L), bị cáo nói dối ba người là số tiền xin việc của chị L ít hơn so với những người xin việc cùng đợt, yêu cầu gia đình chị L đưa thêm cho bị cáo 30.000.000 đồng nữa. Ngày 04/4/2022, chị L chuyển số tiền 30.000.000 đồng tại chi nhánh ngân hàng Vietinbank, phường

Quang Trung, thành phố Thái Bình đến tài khoản “107004350766” tại Ngân hàng Vietinbank của bị cáo.

Do thời gian đã lâu không thấy bị cáo xin được việc cho mình nên chị L có hỏi thì bị cáo đưa ra nhiều lí do như: Tiền đưa để xin việc không đủ; Giám đốc bệnh viện không kí quyết định biên chế; Dịch covid nói với chị L để trì hoãn lí do xin việc cho chị L. Đến tháng 5/2022, bị cáo trả lời chị L là không xin được cho chị L vào làm việc tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam, chị L đòi lại tiền xin việc nhưng bị cáo khất lần, không trả. Ngày 21/6/2022, chị L đã gửi đơn tố cáo đến cơ quan Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình trình báo sự việc.

Tổng số tiền bị cáo H chiếm đoạt của chị L là 148.000.000 đồng. Bị cáo sử dụng số tiền này để chi tiêu cá nhân hết, bị cáo không xin việc, không nhờ người khác xin việc, không chi tiền cho người nào khác để xin việc cho chị L vào làm tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Bích H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình.

Bản cáo trạng số: 162/CT - VKSTP ngày 24/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên luận tội: Tại phiên toà không phát sinh tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án và giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, không có chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích H tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích H từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm thời hạn tính từ ngày tuyên án. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã giải quyết xong nên không đặt ra giải quyết.

4. Về vật chứng:

- 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Đàm Thị L, bị cáo cất ở đâu không nhớ, cơ quan điều tra truy tìm nhưng không thấy nên nay không có hình thức xử lý bộ hồ sơ này.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung bị cáo sử dụng liên lạc với chị L để chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo đã làm mất vào tháng 6/2022, cơ quan điều tra không truy tìm được nên nay không có hình thức xử lý điện thoại này.

Bị cáo Nguyễn Thị Bích H xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo không trình bày lời bào chữa, không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Căn cứ kết tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với Cáo trạng đã truy tố, đồng thời còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Đơn trình báo và lời khai của bị hại; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Lời khai của người làm chứng; Bản sao chứng từ chuyển tiền, giao dịch chuyển tiền thông qua tài khoản ngân hàng giữa bị hại và bị cáo; Bản sao nội dung tin nhắn qua ứng dụng SMS và Zalo trao đổi giữa bị hại và bị cáo; cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Từ tháng 6/2021 đến tháng 4/2022, mặc dù không có điều kiện và khả năng xin việc nhưng bị cáo H đã dùng thủ đoạn gian dối với hình thức nói là có khả năng xin cho chị Đàm Thị L, sinh năm 1997, nơi cư trú: Thôn 3 ĐH, xã ThP, huyện TTh, tỉnh Thái Bình, vào làm việc tại Khoa y học cổ truyền, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Nam để chiếm đoạt số tiền 148.000.000 đồng của chị Đàm Thị L. Có tiền bị cáo đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, là điều dưỡng viên làm việc tại cơ sở khám, chữa bệnh lẽ ra bị cáo phải nhận thức rõ không ai có quyền chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách bất hợp pháp đều bị xử lý, song để đạt được mục đích có tiền chi tiêu cá nhân mà không mất sức lao động, bị cáo đã cố ý dùng thủ đoạn nói lời nói gian dối tạo cho bị hại tin là thật để chuyển giao tài sản cho bị cáo chiếm đoạt số tiền 148.000.000 đồng. Xét hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với tình tiết định khung của tội phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Điều 174 - Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc

phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) ...; 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: a) ...; c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;...”. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và khung hình của Điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có hành vi dùng thủ đoạn đưa ra thông tin giả bằng lời nói dối để chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu với lỗi cố ý. Cho thấy hành vi của bị cáo là rất liều lĩnh và táo bạo tạo lên dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Xét nguyên nhân và điều kiện thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là nhằm mục đích có tiền chi tiêu cá nhân mà không mất sức lao động nên bị cáo không tuân thủ pháp luật. Vì vậy cần xét xử bị cáo nghiêm minh.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hứa sẽ sửa chữa sai phạm; đã hoàn trả lại toàn bộ tiền cho bị hại; bị hại có đơn đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố để được nhà nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất và Huy chương quân kỳ quyết thắng, nên khi lượng hình bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo do đó không cần thiết phải cách bị cáo ra ngoài xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo về Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thu nhập thấp nên không dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 148.000.000 đồng là tiền của bà Nguyễn Thị M, bà M đưa cho chị L để chị L chuyển cho bị cáo xin việc làm. Bị cáo đã hoàn trả lại; chị L, bà M đã nhận đủ và không có ý kiến gì khác về dân sự nên không phải giải quyết về trách nhiệm dân sự tại bản án này.

[8] Về vật chứng:

[8.1] Đối với 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Đàm Thị L, bị cáo cất ở đâu không nhớ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung bị cáo sử dụng liên lạc với chị L để chiếm đoạt tài

sản nhưng bị cáo đã làm mất vào tháng 6/2022; cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm thấy 01 bộ hồ sơ xin việc và 01 điện thoại Samsung nên không xử lý tại bản án này.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự”.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết tại bản án này.

4. Về vật chứng: Không giải quyết tại bản án này.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/11/2022.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hân

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKS tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa